

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/HS-ST
Ngày 24 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Đức Hưởng;

Ông Hoàng Ngọc Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2024/TLST - HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã C, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh; Căn cước công dân số: 042079013448; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Đặng Thị S; vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1979; con: Có 06 người lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1987 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký NKTT: Xóm Q, xã M, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Căn cước công dân số: 040087031136; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị A (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1990; con: Có 02 người lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1978; nơi đăng ký NKTT: Xóm K, xã S, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 26/3/2022, Nguyễn Văn Q có ký kết hợp đồng thi công công trình thoát nước tuyến đường ĐT795 thuộc xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1978 nhà ở huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh là chủ thầu công trình. Các dụng cụ dùng để thi công gồm các ván khuôn, các tấm khuôn định hình bằng sắt dùng để đúc mương thoát nước bằng bê tông và các thanh hộp xà gồ bằng sắt dùng để đỡ bê tông gờ đáy nắp mương thoát nước thì do ông H2 cung cấp cho Q thi công. Đến ngày 02/02/2024, Q đã thi công xong các công trình theo hợp đồng và bàn giao toàn bộ các khuôn định hình và các thanh xà gồ bằng sắt cho ông H2. Sau đó, ông H2 kêu Q và một số công nhân đem các dụng cụ trên cất vào trong nhà kho của dãy nhà tập thể bỏ hoang ở phía sau Nông trường cao su 1/5 thuộc Ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, rồi kêu Q hàn thanh sắt ngang để khóa cửa nhà kho chứa dụng cụ nói trên lại rồi về quê ăn Tết. Ngày 04/02/2024, ông H2 và công nhân về quê trước chỉ còn lại Q ở Nông trường. Do không có tiền trả tiền cho công nhân nên Q nảy sinh ý định lấy trộm các dụng cụ làm công trình đúc mương thoát nước của ông H2 bán lấy tiền trả lương cho công nhân. Đến khoảng 10 giờ, ngày 05/02/2024, Q điều khiển xe mô tô chạy đến vựa phế liệu của Nguyễn Văn P thuộc Ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh để kêu bán số dụng cụ công trình nói trên. Khi gặp P, Q nói Q là chủ công trình đang làm ở khu vực Nông trường cao su 1/5 hiện đã làm xong công trình ở đây, qua tết sẽ về khu vực miền Trung để làm công trình tiếp nhưng do đường xa, chi phí vận chuyển các dụng cụ làm công trình cao nên mới bán các dụng cụ này. P nghe vậy nên đồng ý mua số dụng cụ trên theo giá sắt phế liệu là 7.700 đồng/kg. Q hẹn P 16 giờ cùng ngày đến Nông trường cao su 1/5 thuộc ấp 4, xã S, để bốc số dụng cụ trên bán cho P và kêu P mang theo cây búa để đập thanh sắt hàn cửa nhà kho để mở cửa vào lấy các dụng cụ công trình, thì P đồng ý. Sau đó, P kêu thêm người theo để bốc các dụng cụ làm công trình, gồm: Nguyễn Văn K, sinh năm 1982; Nguyễn Văn K1, sinh năm 1975; Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1986; Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990 cùng ngụ ấp 4, xã S. Đến khoảng gần 18 giờ cùng ngày, P điều khiển xe ô tô tải biển số 93H-023.01, mang theo cây búa và cùng với K, K1, T và T1 đến Nông trường cao su 1/5 gặp Q. Tại đây, Q dùng búa do P đem đến đập gãy thanh sắt hàn cửa nhà kho để mở cửa nhà kho ra. Sau đó, Q chỉ cho P vào nhà kho để bốc các dụng cụ công trình bỏ lên xe tải của P. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, P đã bốc xong 264 tấm khuôn định hình và 47 thanh hộp

xà gồ bằng sắt, tổng cộng 03 chuyến với tổng khối lượng hơn 6.000kg và đem về vừa phế liệu của P, tính ra thành tiền là 46.200.000 đồng, Q bớt cho P 200.000 đồng. Sau đó, P chuyển số tiền 46.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Q. Đến ngày 08/02/2024, Q sợ việc lấy trộm các dụng cụ công trình của ông H2 bị phát hiện nên điện thoại cho P, nói cho P biết số khuôn định hình và các thanh xà gồ mà Q đã bán cho P là do Q trộm cắp của người khác, kêu P tranh thủ đem bán cho người khác. Lúc này, P biết rõ các khuôn định hình và thanh hộp xà gồ này có nguồn gốc là do trộm cắp mà có nhưng muốn thu hồi số tiền đã mua và hưởng tiền chênh lệch nên P tiếp tục tìm người để bán lại. Sau đó, P liên hệ với ông Lương Chí Q, sinh năm 1998, ngụ ấp P, xã Phú Hòa Đ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, là bạn hàng mua bán phế liệu với P để bán số khuôn định hình và thanh hộp xà gồ bằng sắt, ông Lương Chí Q không biết nguồn gốc số khuôn định hình và thanh hộp xà gồ bằng sắt này do trộm cắp mà có nên đồng ý mua với giá 9.900 đồng/kg và hẹn đến ngày 18/02/2024 sẽ đến vừa phế liệu của P để mua. Đến khoảng 07 giờ, ngày 18/02/2024, Lương Chí Q điều khiển xe ô tô tải biển số 51D-662.20 chở theo công bốc vác đến vừa phế liệu của P. P đã bán cho Q 6.900kg phế liệu với giá 9.200 đồng/kg thành tiền là 63.480.000 đồng và 01 xe mô tô 76 với giá phế liệu là 1.250.000 đồng. Ông Lương Chí Q đã chuyển vào tài khoản của P số tiền 64.730.000 đồng. Trong đó, P đã bán 264 tấm khuôn định hình bằng sắt và 05 thanh hộp xà gồ với tổng khối lượng là 5.446 kg với số tiền là 50.103.000 đồng, còn 42 thanh hộp xà gồ P để lại. Số tiền P thu lợi từ việc bán khuôn định hình và thanh hộp xà gồ bằng sắt là 4.103.000 đồng. Sau khi, ông Lương Chí Q mua số khuôn định hình và thanh hộp xà gồ bằng sắt của P, Lương Chí Q tiếp tục bán lại cho Công ty TNHH MTV Thép VAS A có địa chỉ tại khu phố 3, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và đã bị nấu thành phôi thép không thể thu hồi. Đến ngày 22/02/2024, ông H2 từ quê vào lại xã Suối Dây, huyện Tân Châu, để tiếp tục làm công trình và đến nhà kho kiểm tra thì phát hiện cửa nhà kho bị cạy phá và bị mất 264 tấm khuôn định hình bằng sắt dùng để đúc mương thoát nước bê tông, 47 thanh hộp xà gồ bằng sắt dùng làm khuôn đổ bê tông. Sau đó, ông H2 đến Công an trình báo sự việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Châu, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện. Nguyễn Văn P đã tự nguyện nộp lại 42 thanh hộp xà gồ bằng sắt; Nguyễn Văn Q đã bồi thường một nửa số ván khuôn định hình và 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; lần phạm tội này của Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Kết luận định giá số 09/KL-HĐĐG ngày 04/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh kết luận: 264 tấm khuôn định hình bằng sắt dùng để đúc mương thoát nước bê tông và 47 thanh hộp xà gồ bằng sắt dùng làm

khuôn đồ bê tông. Tổng trọng lượng 6.920 kg sắt, có tổng trị giá là 49.593.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Tạm giữ 01 cây búa tạ bằng kim loại dài 23 cm, cán búa dài 18 cm, đầu búa có kích thước (05 x 05 x 11) cm.

Kê biên tài sản: Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P không có tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn H2 đã nhận 20 bộ khuôn định hình và 100.000.000 đồng nên không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo Q, P đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số: 97/CT-VKSTC, ngày 04 tháng 9 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, tài sản đã thu giữ, bồi thường thiệt hại, truy thu tiền thu lợi bất chính theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Vào ngày 05/02/2024, tại Nông trường cao su 1/5 thuộc ấp 4, xã S, huyện Tân Châu, Nguyễn Văn Q đã thực hiện hành vi trộm cắp 264 tấm khuôn định hình bằng sắt dùng để đúc bê tông mương thoát nước và 47 thanh hộp xà gồ bằng sắt dùng làm khuôn đổ bê tông, có tổng trị giá là 49.593.000 đồng. Nguyễn Văn P sau khi mua các tấm khuôn và xà gồ bằng sắt do Q bán, P biết rõ tài sản do Q phạm tội mà có nhưng vẫn tiếp tục bán cho người khác với số tiền 50.103.000 đồng để thu lợi bất chính số tiền 4.103.000 đồng.

Do đó, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi của Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ; gây mất trật tự, trị an xã hội tại địa phương, nên bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt cần xem xét về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

[4.1] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Q cần phải xử phạt mức hình phạt tù nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Văn P không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có tài sản thi hành nên chỉ cần xử phạt tiền cũng đủ tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo P.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn H2 đã nhận 20 bộ khuôn định hình và 100.000.000 đồng nên không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 cây búa tạ bằng kim loại dài 23 cm, cán búa dài 18 cm, đầu búa có kích thước (05 x 05 x 11) cm là công cụ, phương tiện dùng vào việc

phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy. Số tiền 4.103.000 đồng mà bị cáo P có được là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời gian chấp hành án được tính từ ngày 20/5/2024.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận, bị hại Nguyễn Văn H2 đã nhận 20 (hai mươi) bộ khuôn định hình và 100.000.000 (một trăm triệu) đồng không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây búa tạ bằng kim loại dài 23 cm, cán búa dài 18 cm, đầu búa có kích thước (05 x 05 x 11) cm.

(Vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo biên bản giao nhận ngày 23/9/2024).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn P nộp lại số tiền là 4.103.000 (bốn triệu một trăm lẻ ba nghìn) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại ông Nguyễn Văn H2 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Sở Tư Pháp tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 Công an Tây Ninh;
- CQĐT CA huyện Tân Châu;
- CQTHAHS Công an H. Tân Châu
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan